

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 66/TTr-THPT

Krông Nô, ngày 5 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v đề nghị phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ theo
Nghị định 66/2025/NĐ-CP, học kỳ II năm học 2024-2025*

Kính gửi: - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông
- Phòng TCCBTC Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Căn cứ công văn số 726/2025/SGDDT-TCCBTC ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông v/v rà soát, xác định số lượng học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

Căn cứ công văn số 724/2025/SGDDT-TCCBTC ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông v/v triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.

Trường THPT Krông Nô lập tờ trình kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ học kỳ II năm học 2024-2025: 38 học sinh (có danh sách kèm theo).

Vậy Trường THPT Krông Nô kính đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông xem xét danh sách học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ học kỳ II năm học 2024-2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Chung

TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ

DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ

HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Dùng cho cơ sở giáo dục có học sinh bán trú, học viên bán trú)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
1	Nông Thị Bích Thảo	11/10/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
2	Lý Thị Mai Hân	8/23/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
3	H' Lê Hoàng Ngọc Phương	7/2/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
4	H Minh Hằng Ê Ban	10/12/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
5	Đàm Thị Lụa	11/16/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
6	Lương Thanh Liêm	10/29/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
7	Nguyễn Y Bảo Anh Knul	02/9/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
8	Triệu Quỳnh Trang	1/25/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
9	Trịnh Thị Phương Giang	4/3/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
10	Luan Thị Kim Anh	11/17/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
11	Nông Thị Yến Nhi	2/21/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
12	Phạm Công Thuận	3/10/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D

13	Nông Thị Hương	12/25/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
14	H' Giang	1/1/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
15	Linh Thị Anh Thư	10/30/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
16	Y Khang	6/10/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
17	Y Hải Hà Tuấn Khang	5/6/2009	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
18	Chiều Thị Như Quỳnh	10/29/2008	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
19	Trình Thị Quỳnh Hương	4/2/2008	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
20	Đồng Thị Tuyết Trinh	8/9/2008	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
21	Nông Đức Quân	10/4/2008	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
22	Y Tâm	4/10/2008	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
23	Bàn Thị Yến Nhi	3/20/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
24	H' Sinh Hiêng Êban	1/25/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
25	H Nguyễn Êban	10/25/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
26	Cao Thị Khánh Linh	12/30/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
27	Lương Y Thái	1/17/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
28	Hoàng Thị Huyền Diệu	9/17/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
29	Nông Thị Nương	10/12/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
30	Trương Thị Lộc Tiên	1/1/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
31	Vĩ Thị Như Ý	12/30/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D

32	Lương Thị Kim Yến	10/29/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
33	H Phúc Bkrông	7/17/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
34	H Diệp	1/16/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
35	H Kim	11/26/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
36	H Thoa	1/29/2007	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
37	H Yên Niê	10/29/2006	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
38	H Ương Niê	10/29/2006	936,000	360,000	15	5	4,680,000	1,800,000	75	DT vùng D
Tổng cộng					570	190	177,840,000	68,400,000	2,850	

Krông Nô, ngày 05 tháng 05 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/ đóng dấu)


Kê Thị Chung

**DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ
HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025**

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú, HV bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ / năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ / năm	Tổng số gạo được hỗ trợ / năm(kg)	Ghi chú
1	Trường THPT Krông Nô	38	190	177,840,000	68,400,000	2,850	
Tổng cộng				177,840,000	68,400,000	2,850	

Krông Nô, ngày 05 tháng 05 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/ đóng dấu)



Lê Thị Chung